

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI
Số: 118/2023/QĐ-PT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Ông Bà Lê Thị Thúy Bình và ông Nguyễn Tất Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên họp:
Ông Nguyễn Văn Tuyền - Kiểm sát viên cao cấp.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 09/2023/QĐST -HC ngày 14/9/2023. Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã căn cứ vào khoản 5 Điều 38, Điều 143, Điều 144 và Điều 165 Luật Tố tụng hành chính, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính”, giữa:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1953; địa chỉ: Số nhà C, Ngõ A, đường N, Tổ A (nay là Tổ G), thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái

Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Y, tỉnh Yên Bái. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T - Chủ tịch UBND huyện.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Tuấn H - Phó Chủ tịch UBND huyện Y.

- UBND và Chủ tịch UBND tỉnh Y. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Huy T1 - Chủ tịch UBND tỉnh Y.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế P - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Y.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 14/9/2023, người khởi kiện bà Phạm Thị D đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 09/2023/QĐST-HC ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiếp tục giải quyết vụ án với lý do

bà không đồng ý với các căn cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm lập luận để ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm nêu trên.

XÉT THẤY:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm số 10/2023/TLST-HC ngày 06/6/2023 về “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/8/2023, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trình bày của người khởi kiện tại phiên họp kiểm tra chứng cứ, người khởi kiện bà [Phạm Thị D](#) yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái giải quyết:

Tuyên hủy Văn bản số 1228/UBND-NC ngày 16/6/2022 của [UBND huyện Y](#), tỉnh Yên Bái về việc trả lời đơn của công dân [Phạm Thị D](#) (mục 1, nội dung thứ nhất); Văn bản số 2495/UBND-NC ngày 12/11/2021 của [UBND huyện Y](#), tỉnh Yên Bái về việc trả lời đơn của công dân [Phạm Thị D](#); Văn bản số 625/UBND-NC ngày 12/4/2018 của [UBND tỉnh Y](#) về việc trả lời đơn của bà [Phạm Thị D](#); Văn bản số 1414/UBND-TCD ngày 07/7/2016 của [UBND tỉnh Y](#) về việc trả lời đơn của bà [Phạm Thị D](#);

Buộc [UBND huyện Y](#), tỉnh Yên Bái trả cho gia đình bà [Phạm Thị D](#) toàn bộ số tiền còn thiếu và số tiền chưa thanh toán trong việc thu hồi đất, cụ thể là: a. Tiền đất vị trí 4 còn thiếu là: 33.150.000đồng; b. Tiền hỗ trợ 300m² đất ở là: 36.000.000đồng; c. Tiền do thu hồi đất vượt quyết định chưa trả là: 6.000.000đồng/m² x 785,6m² = 4.713.600.000đồng. Tổng số: 4.782.750.000đồng.

Buộc [UBND huyện Y](#), tỉnh Yên Bái chấm dứt hành vi vi phạm và ra Quyết định giải quyết khiếu nại.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bà [Phạm Thị D](#) và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện, Hội đồng phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Xét yêu cầu hủy Văn bản số 1414/UBND-TCD ngày 07/7/2016 về việc trả lời đơn của bà [Phạm Thị D](#) và Văn bản số 625/UBND-TCD ngày 12/4/2018 của [UBND tỉnh Y](#) về việc trả lời đơn của bà [Phạm Thị D](#):

Ngày 16/4/2007, [UBND huyện Y](#), tỉnh Yên Bái ban hành Quyết định số 184/QĐ-UBND về việc: Thu hồi đất của hộ gia đình ông [Nguyễn Hữu H1](#) (vợ là bà [Phạm Thị D](#)) đang quản lý, sử dụng đất tại [tổ A \(nay là tổ G\), thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái](#) để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng Công trình đường Trung tâm km5 - [Trung tâm thị trấn Y](#) (Lý trình km3 + 700,

km5 + 600) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tạo quỹ đất hai bên đường theo quy hoạch. Việc thu hồi đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thẩm định, lập phương án và bồi thường đối với các hộ gia đình có đất khi Nhà nước thu hồi, trong đó có gia đình bà [Phạm Thị D](#) được bồi thường tổng số tiền là 220.172.200đồng, gia đình bà [D](#) đã nhận đủ số tiền trên. Sau khi nhận tiền bồi thường, gia đình bà [D](#) không nhất trí nên ông [Nguyễn Hữu H1](#) (chồng bà [D](#)) đã có đơn đề nghị gửi Chủ tịch UBND huyện và Chánh Thanh tra [huyện Y, tỉnh Yên Bái](#).

Đến năm 2013, bà [Phạm Thị D](#) mới làm đơn khiếu nại. Ngày 13/6/2016, Tổ công tác liên ngành tỉnh đã làm việc với bà [D](#) và lập Biên bản đối thoại trả lời các khiếu nại của bà [D](#) (BL 428 - 433). Ngày 07/7/2016, [UBND tỉnh Y](#) đã ban hành Văn bản số 1414/UBND-TCD (BL 96) về việc trả lời đơn của bà [Phạm Thị D](#), với nội dung:

“Ngày 21/3/2016, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 487/QĐ-UBND thành lập Tổ công tác liên ngành gồm Thanh tra tỉnh, [Sở T2](#) tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh để rà soát, chỉ đạo kiểm tra, giải quyết các vụ việc khiếu nại phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh, trong đó có vụ việc của bà [D](#).

Tổ công tác liên ngành đã thu thập, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ thu hồi đất cũng như hồ sơ giải quyết đơn thư của gia đình bà [D](#) từ năm 2007 đến thời điểm làm việc với Sở Tài chính tỉnh, [UBND huyện Y](#) để làm rõ các nội dung mà bà [D](#) đang khiếu nại. Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, đối chiếu với các quy định của pháp luật; xác định việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với gia đình [bàPhạm Thị D1](#) đã thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

Ngày 13/6/2016, Tổ công tác liên ngành cùng Sở Tài chính và [UBND huyện Y](#) đã tổ chức buổi làm việc với bà [D1](#). Tại buổi làm việc, đại diện các cấp, ngành đã đối thoại, giải đáp cụ thể về từng nội dung đề nghị, khiếu nại của bà [D1](#). Những nội dung này đã được ghi chép lại trong Biên bản làm việc, gửi tới bà [D1](#) và các thành phần tham gia đối thoại. UBND tỉnh đề nghị bà [D1](#) nghiên cứu lại các nội dung mà đại diện các cấp, các ngành đã trả lời để hiểu và sớm chấm dứt khiếu nại.”

Mặc dù Văn bản số 1414/UBND-TCD ngày 07/7/2016 nêu trên không phải là Quyết định giải quyết khiếu nại và người ký ban hành là (Phó Chánh Văn phòng ký thay Chánh Văn phòng theo thừa lệnh của Chủ tịch UBND tỉnh) nhưng lại chứa đựng nội dung giải quyết khiếu nại của bà [D1](#). Do đó, cần xác định Văn bản 1414 là Quyết định hành chính.

Tuy nhiên, sau khi nhận được Văn bản số 1414/UBND-TCD ngày 07/7/2016, bà [D1](#) lại tiếp tục khiếu nại đến [UBND tỉnh Y](#). Ngày 12/8/2018, [UBND tỉnh Y](#) ban hành Văn bản số 625/UBND-TCD (BL 98) về việc trả lời

đơn của bà [Phạm Thị D](#) với nội dung: “Vụ việc khiếu nại của bà đã được Tổ công tác liên ngành của tỉnh kiểm tra, rà soát năm 2016. Trong quá trình rà soát, giải quyết vụ việc, tổ công tác liên ngành đã đối thoại, giải thích và trả lời từng nội dung khiếu nại nêu trong đơn của bà, đồng thời [UBND tỉnh Y](#) đã trả lời bà tại Văn bản số 1414/UBND-TCD ngày 07/7/2016. [UBND tỉnh Y](#) xác định việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với gia đình bà [Phạm Thị D](#) tổ 10 (nay là [tổ G](#)), [thị trấn Y](#), [huyện Y](#), [tỉnh Yên Bái](#) là đúng theo quy định của pháp luật. Tại kết quả kiểm tra, rà soát lại, Thanh tra tỉnh Yên Bái tiếp tục khẳng định việc thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông [Nguyễn Hữu H1](#) (vợ [Phạm Thị D](#)) để xây dựng công trình [Trung tâm km5 - Trung tâm thị trấn Y](#), tỉnh Yên Bái đã thực hiện đúng chính sách pháp luật. Vụ việc của bà [Phạm Thị D](#) đã được các cấp, các ngành của tỉnh Yên Bái xem xét, giải quyết và trả lời đúng theo quy định của pháp luật. Nội dung bà [D](#) khiếu nại là không có cơ sở”.

Văn bản số 625/UBND-TCD ngày 12/4/2018 của [UBND tỉnh Y](#) do Phó Chủ tịch [UBND tỉnh Y](#) ký thay Chủ tịch UBND tỉnh về việc trả lời đơn bà [Phạm Thị D](#) không phải là Quyết định giải quyết khiếu nại nhưng có chứa đựng nội dung giải quyết khiếu nại của bà [D](#) nên Văn bản số 625 cũng được coi là quyết định hành chính, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Bà [Phạm Thị D](#) nhận được Văn bản nêu trên ngay sau khi ban hành, mặc dù bà [D](#) không đồng ý các Văn bản nêu trên nhưng bà [D](#) không khởi kiện đến Tòa án mà tiếp tục khiếu nại theo con đường hành chính. Hằng năm bà đều gửi đơn đến rất nhiều nơi như: Tổng Bí thư, Quốc hội, Thanh tra Chính phủ, UBKT Đảng nhưng đều không được các cơ quan này giải quyết. Đến ngày 12/5/2023, bà [Phạm Thị D](#) mới làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đề nghị hủy Văn bản số 1414/UBND-TCD ngày 07/7/2018, rồi sau đó khởi kiện bổ sung đề nghị hủy Văn bản 625/UBND-TCD ngày 12/4/2018 là đã quá thời hạn 01 năm, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính, hành vi hành chính... theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính, đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu hủy Văn bản trả lời số 1414/UBND-TCD ngày 07/7/2016 và Văn bản số 625/UBND-TCD ngày 12/4/2018 của [UBND tỉnh Y](#) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2] Xét yêu cầu hủy Văn bản số 1228/UBND-NC ngày 16/6/2022 của [UBND huyện Y](#), tỉnh Yên Bái về việc trả lời đơn của bà [Phạm Thị D](#) tại (Mục 1. Nội dung thứ nhất) và Văn bản số 2495/UBND-NC ngày 12/11/2021 của [UBND huyện Y](#), tỉnh Yên Bái về việc trả lời công dân [Phạm Thị D](#).

Xét thấy, đây là các Văn bản trả lời đơn của [UBND huyện Y](#) đối với bà [Phạm Thị D](#), với nội dung thông báo về việc khiếu nại của bà [D](#) đã được [UBND](#)

[tỉnh Y](#) giải quyết tại Văn bản số 1414/UBND-TCD ngày 07/7/2016 và Văn bản trả lời số 625/UBND-TCD ngày 12/4/2018. Do đó, các Văn bản số 1228/UBND-NC ngày 16/6/2022 và Văn bản số 2495/UBND ngày 12/11/2021 không phải là quyết định hành chính nên không phải là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính.

[3.3] Xét yêu cầu buộc [UBND huyện Y](#) trả cho gia đình bà [Phạm Thị D](#) số tiền còn thiếu và chưa thanh toán trong việc thu hồi đất của gia đình bà, cụ thể là: a. Tiền đất vị trí 4 thiếu là: 33.150.000đồng; b. Tiền hỗ trợ 300m² đất ở x 120.000đ/m² = 36.000.000đồng; c. Tiền thu hồi do vượt quá Quyết định chưa trả là 6.000.000đ/m² x 784,6 m² = 4.713.600.000đồng số tiền mà [huyện Y](#) chưa trả cho gia đình bà [D](#). Tổng số tiền mà [UBND huyện Y](#) phải trả cho gia đình bà là 4.782.750.000đồng và buộc [UBND huyện Y](#), tỉnh Yên Bái chấm dứt hành vi vi phạm và ra Quyết định giải quyết khiếu nại.

Hội đồng phúc thẩm nhận thấy, các yêu cầu nêu trên của bà [D](#) liên quan trực tiếp đến Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 16/4/2007 [UBND huyện Y](#), tỉnh Yên Bái về việc: Thu hồi đất của hộ gia đình ông [Nguyễn Hữu H1](#) (vợ là bà [Phạm Thị D](#)). Cũng tương tự như Văn bản số 1414/UBND-TCD ngày 07/7/2016 và Văn bản số 625/UBND-TCD ngày 12/4/2018 của [UBND tỉnh Y](#), đến nay các văn bản này đều đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, các yêu cầu nêu trên của bà [D](#) cũng đương nhiên hết thời hiệu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là có cơ sở.

[4] Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng phúc thẩm bác kháng cáo của bà [Phạm Thị D](#), giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 09/2023/QĐST-HC ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Do bà [Phạm Thị D](#) là người cao tuổi nên cần miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà [D](#) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 243 Luật Tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Bác kháng cáo của người khởi kiện bà [Phạm Thị D](#). Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 09/2023/QĐST-HC ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

[2] Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà [Phạm Thị D](#).

[3] Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, P.HCTP .

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trần Quang Minh